

Số: 3366 /QĐ - UBND

Lào Cai, ngày 26 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng CSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH); Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 483/TTr-STC ngày 30/6/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lào Cai và Phòng giao dịch NHCHXH các huyện, thành phố để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn Ngân sách tỉnh cho vay giải quyết việc làm.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Lao động – TB&XH, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT. TƯ, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND các huyện, TP;
- Thành viên BGD HĐQT Ngân hàng CSXH tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Phòng TC-KH các huyện, TP;
- Phòng GD NHCSXH các huyện, TP;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Phong**

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác  
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối  
tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3366 /QĐ-UBND ngày 26 /7/2017 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Bao gồm ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước: UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố (Sau đây gọi là NHCSXH).

c) Người vay vốn: Quy định tại Điều 5 quy chế này.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**Điều 2.** Nguồn vốn Ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác gồm:

1. Số dư nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện và nguồn vốn khác đã chuyển sang ủy thác qua NHCSXH cho vay đối với người nghèo, hộ các đối tượng chính sách khác tính đến ngày ký ban hành quy chế này.

2. Nguồn vốn trích từ ngân sách địa phương (Bao gồm ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân quyết định (HĐND tỉnh đối với ngân sách tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện đối với ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay theo quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

4. Phần chênh lệch lớn hơn giữa Quỹ Dự phòng rủi ro thực tế và Quỹ Dự phòng rủi ro tối đa theo quy định tại khoản 6, Điều 9 Quy chế này.

**Chương II**

**CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3.** Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH:

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính được UBND tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Cấp huyện: Phòng TC-KH huyện được UBND cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

**Điều 4.** Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương:

Căn cứ Quyết định của UBND về nguồn kinh phí ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Sở Tài chính, Phòng TC-KH các huyện, thành phố lập lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 5.** Đối tượng cho vay: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, gồm:

1. Hộ nghèo;

2. Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

**Điều 6.** Mục đích sử dụng vốn vay: Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, cụ thể:

1. Đối với hộ nghèo; hộ sản xuất kinh doanh thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã biên giới vào diện đầu tư của Chương trình 135, sử dụng vốn vay để:

a) Mua sắm vật tư, thiết bị; giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh;

b) Góp vốn thực hiện các dự án hợp tác sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập.

2. Đối với các tổ chức kinh tế thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã biên giới vào diện đầu tư của Chương trình 135: Sử dụng vốn vay để chi phí cho sản xuất, kinh doanh theo chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Sử dụng vốn vay để mua sắm phương tiện học tập và các chi phí khác phục vụ cho việc học tập tại trường.

4. Người vay là đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, sử dụng vốn vay để trả phí đào tạo, phí dịch vụ, tiền đặt cọc, vé máy bay.

**Điều 7.** Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, quy trình, thủ tục cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ:

1. Đối với hộ gia đình vay vốn: Áp dụng theo quy định hiện hành của NHCSXH đối với từng chương trình cho vay (Mức cho vay không bao gồm nguồn vốn TW).

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và Quỹ quốc gia việc làm và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách Xã hội.

**Điều 8.** Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay:

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách vào thu nhập của NHCSXH và quản lý sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Mức trích bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay từ nguồn ngân sách (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời điểm trích lập dự phòng).

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh). Phần chênh lệch lớn hơn giữa Quỹ Dự phòng rủi ro thực tế và Quỹ Dự phòng rủi ro tối đa được bổ sung vào nguồn vốn ngân sách ủy thác để cho vay theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 và Khoản 5, Điều 9 Quy chế này.

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH theo dư nợ cho vay bình quân từ nguồn ngân sách. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ cộng (+) 0,02% (Giai đoạn 2016-2018 Chính phủ giao cho NHCSXH là 0,33% do đó phí quản lý vốn ủy thác cho NHCSXH trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2018 là 0,35%)

Trường hợp số lãi thực thu sau khi trích dự phòng rủi ro thấp hơn mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ thì ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH.

c) Trích 15% số tiền lãi thu được chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của các cấp, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, cụ thể:

- Đối với số lãi thực thu từ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH phân bổ như sau:

+ Trích 7% lãi thực thu (Thông qua Sở Tài chính) để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

+ Trích 3% lãi thực thu (Thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để chi cho công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và tổng hợp báo cáo về giảm nghèo, kết quả tạo việc làm tăng thêm từ vay vốn giải quyết việc làm và lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

+ Trích 5% lãi thực thu (Thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lào Cai) để chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh.

- Đối với số lãi thực thu từ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện phân bổ như sau:

+ Trích 7% lãi thực thu (Thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác.

+ Trích 3% lãi thực thu (Thông qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) để chi cho công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và tổng hợp báo



cáo về giảm nghèo, kết quả tạo việc làm tăng thêm từ vay vốn giải quyết việc làm và lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

+ Trích 5% lãi thực thu (Thông qua Phòng Giao dịch NHCSXH huyện) để chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

#### **Điều 9. Xử lý nợ bị rủi ro:**

NHCSXH có trách nhiệm thẩm định kiểm tra phương án vay vốn và khả năng hoàn trả vốn vay của người vay vốn trước, trong và sau khi cho vay; quản lý các khoản vay đảm bảo được sử dụng đúng mục đích vay vốn, thu hồi nợ gốc và lãi đúng theo Hợp đồng tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn, nợ phải xử lý rủi ro. Trường hợp phải xử lý rủi ro thì thực hiện như sau:

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro: UBND tỉnh quyết định xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác; UBND cấp huyện quyết định xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 Quy chế này;

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại Khoản 3 nêu trên không đủ bù đắp, NHCSXH có trách nhiệm trích từ Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng chung được tính trên tổng dư nợ của NHCSXH để xử lý. Trường hợp đặc biệt, NHCSXH chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập hồ sơ báo cáo UBND cung cấp xem xét, quyết định.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro theo quy định tại Khoản 3 Điều này lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định tại Điều này.

#### **Điều 10. Chế độ báo cáo:**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 30/6 tháng và 31/12 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo về tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách ủy thác, gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 30/6 tháng và 31/12 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo về tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách ủy thác, gửi UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - kế hoạch huyện, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Nội dung báo cáo: Về tổng nguồn vốn ủy thác, tổng dư nợ cho vay chia theo nhóm nợ, chia theo loại khách hàng; tình hình trích lập rủi ro, quản lý và sử dụng phí ủy thác; số tiền lãi thu được đã bổ sung vào nguồn vốn ngân sách ủy thác theo quy định tại Quy chế này.

**Điều 11.** Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán:

NHCSXH thực hiện ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

1. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch:

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trong từng thời kỳ, báo cáo UBND, trình HĐND cùng cấp quyết định số kinh phí ủy thác qua NHCSXH để cho vay theo Quy chế này.

b) Theo dõi, quản lý số kinh phí đã ủy thác qua NHCSXH, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND cùng cấp.

c) Phối hợp với NHCSXH lập hợp đồng ủy thác; ký hợp đồng ủy thác theo ủy quyền của UBND cùng cấp.

d) Phối hợp với NHCSXH và các cơ quan liên quan lập hồ sơ xử lý rủi ro, báo cáo UBND cùng cấp xem xét quyết định.

2. Sở Lao động – TB&XH, Phòng Lao động – TB&XH:

- Chủ trì, phối hợp với NHCSXH và các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch cho vay giải quyết việc làm đối với doanh nghiệp, người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tổng hợp, báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay và chỉ tiêu tạo việc làm trong nước và ngoài nước.

- Tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả cho vay và xét đề nghị khen thưởng đối với các đối tượng quy định tại quy định này.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập, ký hợp đồng ủy thác.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

c) Kiểm tra, thẩm định phương án vay vốn và khả năng hoàn trả vốn vay của người vay vốn trước, trong và sau khi cho vay theo quy định hiện hành đảm bảo người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích.

d) Theo dõi, đôn đốc người vay hoàn trả nợ gốc, lãi, phí (nếu có) đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng tín dụng.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, các tổ chức có liên quan lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Định kỳ vào ngày 30/6 và 31/12 hàng năm lập báo cáo tình hình quản lý và sử dụng kinh phí nhận ủy thác từ ngân sách để cho vay theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện:

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, trình HĐND cùng cấp quyết định số kinh phí ủy thác qua NHCSXH để cho vay theo Quy chế này.

b) Quyết định việc xử lý rủi ro theo thẩm quyền tại khoản 2, Điều 9 Quy chế này.

5. UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi,...

6. Trách nhiệm của người vay:

a) Khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng tín dụng.

**Điều 13.** Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 14.** Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong